

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM BÌNH  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 23 – 3 - 2020  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Cảnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh
2. Bà Nguyễn Thị Sương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 506/2019/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị Kim B , sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H , sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 11/10/2019 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Đỗ Thị Kim B trình bày:

Chị Kim B và anh H cưới nhau vào năm 2013, hôn nhân do quen biết, hai bên tự nguyện với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện

Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long ngày 18/02/2014. Chị Kim B và anh H sống chung hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống do chị Kim B và anh H thường xuyên bất đồng ý kiến với nhau, không tôn trọng nhau, quan điểm sống hoàn toàn không hợp nhau nên chị Kim B và anh H sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay không trở về đoàn tụ. Chị Kim B nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị Kim B và anh H không có con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Kim B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 196, 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng anh H không có ý kiến gì bằng văn bản.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: Đã được Tòa án công khai tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 17/02/2020.

- Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

+ Về hôn nhân: Căn cứ vào bản sao Trích lục kết hôn giữa chị Đỗ Thị Kim B với anh Nguyễn Văn H được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 18/02/2014 thì chị Kim B và anh H là hôn nhân hợp pháp.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự thống nhất, không thống nhất:

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cho anh H nhưng anh H không có ý kiến gì bằng văn bản và qua hai lần tổng đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì anh H cũng không tham dự nên không xác định được sự thống nhất và không thống nhất của các đương sự trong vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện của chị Kim B yêu cầu ly hôn với anh H là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố Tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tam Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2]. *Về trình tự, thủ tục tố tụng*: Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 05/3/2020 chị B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Kim B.

Riêng anh H Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho anh H, nhưng anh H vẫn vắng mặt cả hai lần không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H.

[2]. *Về yêu cầu khởi kiện*:

- Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Kim B với anh H là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Kim B và anh H là do chị Kim B và anh H thường xuyên bất đồng ý kiến với nhau, không tôn trọng nhau, quan điểm sống hoàn toàn không hợp nhau nên chị Kim B và anh H sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không tự hàn gắn được. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Kim B với anh H đã trầm trọng, không còn đời sống chung vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 2, Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Kim B với anh H; cho chị Kim B được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị Kim B và anh H không có con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Kim B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Kim B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 2, Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Kim B.
  - 1.1. Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Kim B được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.
  - 1.2. Về con chung: Chị B và anh H không có con chung.
  - 1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Kim B không yêu cầu Tòa án giải quyết.
2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Kim B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Kim B đã nộp theo biên lai thu số N<sub>o</sub> 0012207 ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên chị Kim B không phải nộp thêm.
3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.
4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Kim B và anh H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Cảnh**